

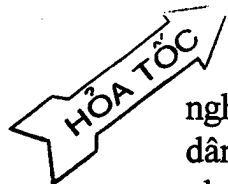
Số: **209**/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **05** tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

T CÔNG BÁO & TIN HỌC	
ĐẾN	Số: 8335
	Ngày: 5/9/18
	Chuyển:

Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch bố trí dân cư vùng thiên tai theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016 – 2018 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2019 – 2020



Thực hiện Công văn số 6699/BNN-KTHT ngày 29/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch bố trí dân cư vùng thiên tai theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH BỐ TRÍ DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1776/QĐ-TTg NGÀY 21/11/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2016 – 2018

1. Về quy hoạch tổng thể

Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 phê duyệt Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 – 2015, định hướng đến năm 2020.

* Mục tiêu cụ thể: Bố trí tái định cư và ổn định tại chỗ cho 11.325 hộ dân ở các vùng bị ảnh hưởng do thiên tai. Trong đó: Tái định cư tập trung khoảng 3.995 hộ vào 76 khu tái định cư; tái định cư xen ghép cho 2.218 hộ dân vào các điểm dân cư hiện có; sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ cho 5112 hộ dân.

* Tổng vốn thực hiện: 793.100 triệu đồng:

- Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương: 396.550 triệu đồng (chiếm 50%);
Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 251.773 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 144.777 triệu đồng;

- Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn lồng ghép khác: 396.550 triệu đồng (chiếm 50%). Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 251.773 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 144.777 triệu đồng;

2. Kết quả thực hiện quy hoạch bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2016 – 2018

a) Về danh mục Dự án đầu tư:

Dự án hoàn thành: 01 dự án (Khu tái định cư Gò Thần, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa); Quy mô: 49 hộ, tổng mức đầu tư: 14.000 triệu đồng từ ngân sách địa phương (*Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm*).

b) Về số hộ:

* Kế hoạch giao thực hiện quy hoạch bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2016- 2018: 6.970 hộ (khoảng 34.850 nhân khẩu);

* Kết quả thực hiện: 336 hộ (khoảng 1.680 nhân khẩu) được bố trí ổn định giai đoạn 2016 – 2018, trong đó:

- Xen ghép là 76 hộ, 380 khẩu, bố trí tại các điểm dân cư sẵn có;
- Ổn định tại chỗ là 260 hộ, 1.300 khẩu, bố trí ổn định tại chỗ.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

c) Về giao đất tại các dự án bố trí dân cư:

Kết quả: tổng số hộ được giao đất giai đoạn 2016-2018: 40 hộ. Số diện tích đất giao cho các hộ bố trí dân cư: 2,2 ha đất ở.

(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)

d) Về xây dựng công trình hạ tầng tại các dự án bố trí dân cư:

- Giao thông: 0,95 km
- Hệ thống điện: 0,94 km đường dây 0,4 kV
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: 01 công trình
- San lấp mặt bằng: 30.000m²
- Kè chống sạt lở: 2.100 m²

(Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm)

e) Về phát triển sản xuất tại các dự án bố trí dân cư:

Tuy không được giao vốn phát triển sản xuất, nhưng UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các địa phương (nơi thực hiện công tác di dân) hướng dẫn UBND các xã và các hộ di dời tiếp tục canh tác trên diện tích sản xuất nông, lâm tại nơi ở cũ, phát triển chăn nuôi nông hộ và mở mang một số ngành nghề nông thôn; nhờ vậy, cuộc sống của người dân tại các khu tái định cư tập trung và các hộ xen ghép cơ bản đã được ổn định (*Chi tiết theo Phụ lục 5 đính kèm*).

f) Về vốn thực hiện tại các dự án bố trí dân cư:

- Tổng vốn bố trí kế hoạch 3 năm 2016-2018 là 16.200 triệu đồng.

Trong đó:

- + Vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương: 4.200 triệu đồng,
- + Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương: 12.000 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân 3 năm 2016-2018 theo các chỉ tiêu trên là: 16.200 triệu đồng.

(Chi tiết tổng hợp theo Phụ lục 6 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Một số kết quả đạt được

a) Được sự hỗ trợ đầu tư nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương, kết hợp với việc huy động vốn từ Ngân sách địa phương theo Quyết định 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã phần nào giúp các hộ dân vùng thiên tai tái định cư nhanh chóng ổn định lại cuộc sống, phát triển sản xuất, các hộ dân chuyển đến nơi ở mới từng bước có cuộc sống ổn định và tốt hơn nơi ở cũ.

b) Công tác bố trí lại các hộ dân sống ở những vùng có nguy cơ cao về sạt lở nứt núi, sạt lở ven sông, ven biển đến nơi ở mới đã được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm, nhờ đó đã hạn chế và giảm bớt những rủi ro, thiệt hại về người và tài sản cho người dân.

c) Quy hoạch di dân tái định cư thể hiện sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương đến đời sống của người dân, góp phần tích cực trong công tác phòng chống lụt bão, xoá đói giảm nghèo tại địa phương cũng như thúc đẩy kinh tế của tỉnh nhà ngày càng phát triển.

2. Một số tồn tại, nguyên nhân

a) Các chỉ tiêu thực hiện về số hộ di dời, xây dựng các điểm tái định cư đều chưa đạt so với mục tiêu quy hoạch được duyệt trong giai đoạn và chưa đáp ứng được hết nhu cầu di dời của người dân, trong khi toàn tỉnh hiện nay số hộ dân sống ở các vùng có nguy cơ sạt lở ven sông, ven biển, sạt lở núi, các vùng ngập sâu, vùng đặc biệt khó khăn còn nhiều.

b) Nguồn kinh phí thực hiện chương trình bố trí dân cư hàng năm phải được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và chủ yếu là từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ nên việc bố trí vốn còn chậm và thường không đủ so với nhu cầu thực tế để thực hiện quy hoạch theo đúng khối lượng và tiến độ được giao.

c) Nhiều địa phương chưa có kế hoạch di dời cụ thể hàng năm hoặc khi xây dựng kế hoạch thường dựa vào những phát sinh thực tế, chưa lường hết được những biến động mới có thể xảy ra nên kế hoạch thường bị động và chưa sát với tình hình thực tế.

d) Một số khu dân cư trên địa bàn tỉnh hiện nay đang có nguy cơ bị thiên tai đe dọa cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, sinh hoạt và đời sống của người dân nhưng công tác tuyên truyền, động viên người dân di dời đến nơi ở mới chưa được các cấp chính quyền, đoàn thể thực hiện hoặc thực hiện còn thiếu kiên quyết, chưa kịp thời.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH BỐ TRÍ DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1776/QĐ-TTg NGÀY 21/11/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2019-2020

1. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn thực hiện các dự án di dân thiên tai cấp bách

a) Nguyên tắc phân bổ vốn: Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư quy định tại Điểm 2, mục VI Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020.

b) Tiêu chí hỗ trợ.

- Các dự án đầu tư bố trí dân cư thiên tai cấp bách theo chỉ đạo của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

- Hỗ trợ di dời khẩn cấp các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai (sạt lở đất bờ sông, bờ biển, sạt lở đất núi, ngập lụt) đến nơi an toàn.

2. Kế hoạch thực hiện bố trí dân cư giai đoạn 2019 - 2020

a) Về danh mục dự án bố trí dân cư: đầu tư 42 khu tái định cư tập trung.

b) Về số hộ cần bố trí, sắp xếp ổn định: 4.762 hộ, trong đó:

- Tái định cư tập trung: 2.087 hộ;

- Di dân xen ghép: 755 hộ;

- Ổn định dân cư tại chỗ: 1.920 hộ.

c) Về giao đất cho các hộ di dân: 2.087 hộ

d) Về xây dựng công trình hạ tầng:

- San lấp mặt bằng: 1000.000 m²;

- Giao thông: 77 km;

- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 42 công trình;

- Giếng, bể chứa nước: 200 chiếc;

- Trạm biến áp: 42 chiếc;

- Đường dây trung và hạ thế: 38 km;

- Phòng học: 20 phòng;

- Trạm Y tế: 5 công trình;

- Nhà văn hóa: 15 công trình;

- Kè chống sạt lở: 15.000 m²;

- Thoát nước: 42 công trình.

e) Về vốn thực hiện:

Tổng vốn bố trí kế hoạch giai đoạn 2019-2020 là 690.044 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn từ ngân sách Trung ương: 345.022 triệu đồng;
- Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương: 345.022 triệu đồng.

3. Thực hiện một số dự án bố trí dân cư thiên tai cấp bách năm 2018

a) Tổng số dự án: 10 dự án (*xếp theo thứ tự ưu tiên*), trong đó:

- Huyện Ba Tư: 02 điểm tái định cư tập trung;
- Huyện Sơn Tây: 03 điểm tái định cư tập trung;
- Huyện Trà Bồng: 01 điểm tái định cư tập trung;
- Huyện Sơn Hà: 02 điểm tái định cư tập trung;
- Huyện Tây Trà: 02 điểm tái định cư tập trung.

b) Tổng số hộ phải di dời: 302 hộ dân;

c) Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 128,8 tỷ đồng.

Các danh mục dự án di dời dân khẩn cấp do ảnh hưởng thiên tai đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp và đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 87/UBND-NNTN ngày 08/01/2018 và Công văn số 2905/UBND-NNTN ngày 24/5/2018 (*Chi tiết tổng hợp theo Phụ lục 7 đính kèm*)

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trong 03 năm 2016 – 2018, Trung ương chưa bố trí nguồn vốn đầu tư các dự án di dời dân vùng thiên tai cho tỉnh Quảng Ngãi trong khi ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, việc thực hiện đầu tư các dự án vẫn chủ yếu dựa vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Tình hình thiên tai do biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của người dân nông thôn, đặc biệt là các tỉnh duyên hải miền Trung nhưng nguồn vốn dành cho Chương trình 1776/QĐ-TTg ngày 21/12/2012 còn quá thấp so với yêu cầu mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Do vậy, kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc với Bộ, ngành Trung ương bố trí vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp di dân hằng năm, nhằm giúp tỉnh thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Dự án.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Các công trình nông nghiệp;
- VPUB, CVP, PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNlesang205.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

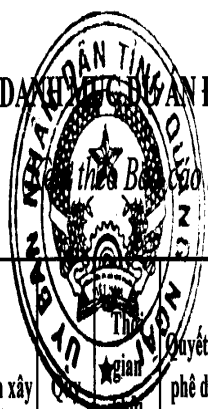
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG THIÊN TẠI GIAI ĐOẠN 2016 - 2018



theo Quyết định số 209 /BC-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng (thôn, xã, huyện)	Quy mô (hộ)	Quyết định phê duyệt (Số, ngày, tháng, năm)	Tổng vốn duyệt (triệu đồng)	Trong đó			Vốn đã bố trí đến năm 2018 (triệu đồng)	Trong đó			Lũy kế giải ngân đến năm 2018 (triệu đồng)	Dự kiến số hộ được bố trí, sắp xếp ổn định giai đoạn 2019-2020 (hộ)	Kế hoạch giai đoạn 2019-2020 (triệu đồng)	Trong đó		
						NSTW	NSDP	Vốn khác		NSTW	NSDP	Vốn khác				NSTW	NSDP	Vốn khác
	TỔNG SỐ		2,136		14,000		14,000						12,000	2,087	614,000	307,000	307,000	
I	Danh mục dự án hoàn thành		49		14,000		14,000						12,000					
1	DA TĐC Gò Thần	Nghĩa Sơn - Tư Nghĩa	49	2016-2017 2090/QĐ-UBND 31/10/2016	14,000		14,000						12,000					
II	Dự án khởi công mới		2,087											2,087	614,000	307,000	307,000	
1	Khu TĐC Gò Bà Tòng	Tịnh Đông, Sơn Tịnh	50											50	13,000	6,500	6,500	
2	Khu TĐC Tân Phú Đức	Đức Lợi, Mộ Đức	150											150	30,000	15,000	15,000	
3	Khu TĐC Đồng Cau, thôn Trùng Kê 1	Hành Tín Tây, Nghĩa Hành	30											30	10,000	5,000	5,000	
4	Khu TĐC tổ 1, 2 thôn Trà Khương (Đồi Voan)	Trà Lâm, Trà Bồng	26											26	10,000	5,000	5,000	
5	Khu TĐC Thọ Lộc Tây	Tịnh Hà, Sơn Tịnh	30											30	8,000	4,000	4,000	
6	Khu TĐC Gò Tranh II, thôn An Ba	Hành Thịnh, Nghĩa Hành	105											105	20,000	10,000	10,000	
7	Khu TĐC Đội 1	Phổ An, Đức Phổ	28											28	8,000	4,000	4,000	

8	Điểm TĐC MaNayCot, thôn Cà Tĩnh	Trà Sơn, Trà Bồng	26											26	14.000	7.000	7.000	
9	Điểm TĐC Thôn Tang	Trà Búi, Trà Bồng	20											20	8.000	4.000	4.000	
10	Khu TĐC Thôn 2	Trà Thủy, Trà Bồng	60											60	20.000	10.000	10.000	
11	Khu TĐC Gò Mít thôn Trà Bình	Tĩnh Trà, Sơn Tĩnh	80											80	20.000	10.000	10.000	
12	Khu TĐC xã Sơn Lập	Sơn Lập, Sơn Tây	30											30	10.000	5.000	5.000	
13	Điểm TĐC Đồi Hoàng Vơ thôn Tà Pa	Sơn Thượng, Sơn Hà	20											20	7.000	3.500	3.500	
14	Khu TĐC Bầu Dèo thôn Làng Lung	Sơn Giang, Sơn Hà	30											30	10.000	5.000	5.000	
15	Khu TĐC Tầm Linh, thôn Xà Riêng	Sơn Nham, Sơn Hà	41											41	17.000	8.500	8.500	
16	Khu TĐC Gò Rái, thôn Trường Khay	Sơn Hạ, Sơn Hà	35											35	14.000	7.000	7.000	
17	Khu TĐC Đồng Bà Rin, thôn Diệp Hạ	Thanh An, Mình Long	50											50	20.000	10.000	10.000	
18	Điểm TĐC thôn Bò Nung	Sơn Linh, Sơn Hà	21											21	12.000	6.000	6.000	
19	Khu TĐC Gò Khoái, An Diêm I	Bình Chương, Bình Sơn	40											40	14.000	7.000	7.000	
20	Khu TĐC Gò Thê, thôn Hải Ninh	Bình Thanh, Bình Sơn	92											92	20.000	10.000	10.000	
21	Khu TĐC Mai Lãnh Trung -Đèo Chân	Long Mai, Mình Long	35											35	16.000	8.000	8.000	
22	Khu TĐC Cầu Đá - Đội 15	Tĩnh Sơn, Sơn Tĩnh	150											150	40.000	20.000	20.000	
23	Khu TĐC Núi Đông Thoại	Tĩnh Ân Đông, TP Quảng Ngãi	40											40	14.000	7.000	7.000	
24	Khu TĐC Thôn Mình Lộc	Tĩnh Bắc, Sơn Tĩnh	55											55	14.000	7.000	7.000	
25	Khu TĐC Đồng Xứ Bá thôn Khánh Lâm	Tĩnh Thiện, TP Quảng Ngãi	90											90	22.000	11.000	11.000	
26	Khu TĐC Đồng Bạch Sa Tây	Tĩnh An, TP Quảng Ngãi	30											30	10.000	5.000	5.000	

27	Khu TĐC Đồng An Bình	Tỉnh An, TP Quảng Ngãi	30												30	8.000	4.000	4.000	
28	Khu TĐC Thổ Cao thôn Đông Hòa	Tỉnh Giang, Sơn Tĩnh	30												30	12.000	6.000	6.000	
29	Khu TĐC số 15, thôn Nhơn Phước	Phổ Nhơn, Đức Phổ	20												20	8.000	4.000	4.000	
30	Khu TĐC thôn Quyết Thắng	P. Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	30												30	8.000	4.000	4.000	
31	Khu TĐC thôn 7, Nghĩa Lâm	Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	23												23	8.000	4.000	4.000	
32	Khu TĐC Đội 1, TDP Phú Bình Tây	TT Chợ Chùa, Nghĩa Hành	30												30	12.000	6.000	6.000	
33	Khu TĐC Núi Đinh Cương	Hành Phước, Nghĩa Hành	50												50	24.000	12.000	12.000	
34	Khu TĐC Cầu Rì, Đình Ông thôn Bàn Thới	Hành Thiện, Nghĩa Hành	80												80	20.000	10.000	10.000	
35	Khu TĐC Gò Tre, thôn Vạn Xuân 1	Hành Thiện, Nghĩa Hành	20												20	6.000	3.000	3.000	
36	Khu TĐC Gò Máng, thôn Phú Lâm Đông	Hành Thiện, Nghĩa Hành	60												60	24.000	12.000	12.000	
37	Điểm TĐC Xã Tịnh Minh	Tỉnh Minh, Sơn Tĩnh	29												29	8.000	4.000	4.000	
38	Khu TĐC Xứ Đồng Trại Do, thôn Phú An	Trà phú, Trà Bồng	30												30	10.000	5.000	5.000	
39	Khu TĐC Gò Xoài	Hành Minh, Nghĩa Hành	60												60	13.000	6.500	6.500	
40	Khu TĐC Đông Núi Bé, thôn Nghĩa Lâm	Hành Nhân, Nghĩa Hành	60												60	20.000	10.000	10.000	
41	Khu TĐC Rộc Bà Hương, thôn Đông Quang	Phổ Văn, Đức Phổ	46												46	12.000	6.000	6.000	
42	Khu TĐC Xóm 2, thôn Thạch Đức 2	Phổ Thanh, Đức Phổ	125												125	20.000	10.000	10.000	



Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ 3 NĂM 2016-2018 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2019-2020

Kết quả Báo cáo số 209 /BC-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: hộ

STT	Chi tiêu	KH giai đoạn 2016-2018 (hộ)	Thực hiện giai đoạn 2016-2018 (hộ)	Trong đó						Dự kiến bố trí KH giai đoạn 2019-2020 (hộ)	Trong đó					
				Phân theo địa bàn bố trí (hộ)			Phân theo hình thức bố trí (hộ)				Phân theo địa bàn bố trí (hộ)			Phân theo hình thức bố trí (hộ)		
				Nội vùng	Trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ		Nội vùng	Trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ
	TỔNG SỐ	6,970	336	336	336			76	260	4,762	4,762	4,762		2,087	755	1,920
	Danh mục Dự án đầu tư Bố trí dân cư vùng thiên tai															
1	Chương trình bố trí dân cư năm 2016	2,490	72	72	72			26	46							
2	Chương trình bố trí dân cư năm 2017	2,300	225	225	225			20	205							
3	Chương trình bố trí dân cư năm 2018	2,180	39	39	39			30	9							

Phụ lục IV

KẾT QUẢ KẾ HOẠCH CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI CÁC DỰ ÁN BÓ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ 3 NĂM 2016-2018
VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2019-2020



Kính gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi số 209 /BC-UBND ngày 05 Tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 3 năm 2016-2018		Thực hiện 3 năm 2016-2018		Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2019-2020	
			Khối lượng	Vốn (triệu đồng)	Khối lượng	Vốn (triệu đồng)	Khối lượng	Vốn (triệu đồng)
1	Giao thông	km	50	150,000	1	3,000	77	232,240
2	Thủy lợi	công trình						
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	công trình	18	14,940	1	830	42	34,860
4	Giếng, bể chứa nước	Chiếc	300	3,000			200	2,000
5	Trạm biến áp	Chiếc	31	6,200			42	8,400
6	Đường dây điện trung và hạ thế	km	35	24,500	1	770	38	29,000
7	Phòng học	phòng	22	4,400			20	4,000
8	Trạm y tế	công trình	3	1,500			5	25,000
9	Nhà văn hóa	công trình	20	10,000			15	75,000
10	San gạt mặt bằng khu tái định cư	m2	2,000,000	85,000	30,000	3,100	1,000,000	100,000
11	Kè chống sạt lở	m2	20,000	54,000	2,100	780	15,000	40,500
12	Thoát nước	Công trình	60	90,000	1	1,500	42	63,000

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ 3 NĂM 2016-2017
VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2019-2020**
(Kế hoạch Bảo vệ số 209 /BC-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT		ĐVT	Kế hoạch 3 năm 2016-2018	Thực hiện giai đoạn 2016-2018	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2019-2020
1	Diện tích khai hoang	ha			
2	Xây dựng nương, rẫy cố định	ha			
3	Trồng mới cây lương thực	ha			
4	Trồng mới cây công nghiệp	ha			
5	Trồng mới cây ăn quả	ha			
6	Trồng rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)	ha			
7	Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha			
8	Chăn nuôi đại gia súc	con			
9	Chăn nuôi gia súc	con			
10	Chăn nuôi gia cầm	con			
11	Thủy sản	tấn			
...	...				

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN TẠI CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ 3 NĂM 2016-2018
VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2019-2020**



QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN
 Bộ Quốc phòng
 Kê hoạch 3

Kế hoạch 3 năm 2016-2018

Thực hiện 3 năm 2016-2018

Tỷ lệ giải ngân so với KH giao (%)	Đã giải ngân	Chưa giải ngân
100	100	0
90	90	10
80	80	20
70	70	30
60	60	40
50	50	50
40	40	60
30	30	70
20	20	80
10	10	90
0	0	100

Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2019-2020

[illegible]

Seal of the Ministry of National Defense of Vietnam, featuring a star and the text "QUỐC PHÒNG VIỆT NAM" and "HỘI LÍNH QUÂN ĐỘI" (Soldiers' Association).

(Theo Báo cáo số 509/BC-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]